

Bản án số: 124/2022/DS-PT

Ngày: 08 - 4 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
tháo dỡ vật, cây trồng và kiến trúc trên đất  
hành lang an toàn giao thông đường bộ và đất tranh chấp

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị H Thủy;  
Ông Nguyễn Chí Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/3/2022 và 08/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLPT-DS ngày 22/11/2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ vật, cây trồng và kiến trúc trên đất hành lang an toàn giao thông đường bộ và đất tranh chấp;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Minh T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:***

1. Lâm Văn H, sinh năm 1955;

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1959;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn H là: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Cùng địa chỉ: Số nhà 123, đường 843, ấp An Phát, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020).*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Kim P, sinh năm 1961;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P là: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021).*

2. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp An Tài, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo pháp luật là: Ông Mai Văn Siêng, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt).*

4. Đoàn Kinh tế Quốc Phòng 959.

*Người đại diện theo pháp luật là: Ông Bùi Duy Quân, chức vụ: Đoàn Trưởng Đoàn Kinh tế Quốc phòng 959 (Có mặt ngày 25/3/2022).*

Địa chỉ: Ấp An Tài, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*- Người kháng cáo: Ông Lâm Văn H và Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn bà Nguyễn Minh T trình bày:*

Vào ngày 04-5-2005, giữa bà với bà T và ông H xác lập giấy thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ thổ cư diện tích đất 1.228m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 06 tại ấp An Phát, xã An Phước, huyện T và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ của bà. Đến năm 2013 thì được

UBND huyện T cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ thành thửa 42, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.314,5m<sup>2</sup> cho hộ bà Nguyễn Minh T đứng tên, vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp đất bà H thuộc thửa 41;
- + Hướng Tây giáp đất bà Thanh thuộc thửa 81;
- + Hướng Nam giáp đất nương nước Lô 4;
- + Hướng Bắc giáp tỉnh lộ ĐT 843.

Bà T và ông H tự ý làm hàng rào lưới B40, xây miếu Thần và trồng cây trên phần diện tích đất hành lang an toàn giao thông đường bộ nằm phía mặt tiền thửa đất số 42 của bà. Theo đo đạc thực tế thì bà T lấn chiếm qua phần diện tích đất của bà là 22,6m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 42. Đồng thời, tại vị phía sau hậu (Phần tiếp giáp đường nương Lô 4) thì bà T lấn chiếm diện tích là 68,8m<sup>2</sup> và trồng các cây như mai, dừa.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông H trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm 91,4m<sup>2</sup> (22,6m<sup>2</sup> + 68,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 42, tờ bản đồ số 20 đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ của bà T. Đồng thời, buộc bà T, ông H di dời toàn bộ cây trồng và tài sản có trên đất tranh chấp và trên đất hành lang an toàn giao thông. Bà không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích 68,8m<sup>2</sup> theo yêu cầu phản tố của bà T.

Theo sơ đồ đo đạc thì diện tích 26,9m<sup>2</sup> và diện tích 1,4m<sup>2</sup> trong khuôn viên hàng rào lưới B40 thuộc thửa 41 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Thanh H thì bà không tranh chấp, bà và bà H sẽ thỏa thuận sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn H trình bày:

Thừa nhận vào năm 2005, vợ chồng bà có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Minh T 1.228m<sup>2</sup> và có ghi rõ chiều dài là 76,75m, chiều ngang 16m, thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 06 tại ấp An Phát, xã An Phước với số tiền là 72.000.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán có trừ hành lang lộ giới cho nên phần đất hành lang lộ giới vẫn còn thuộc quyền sử dụng của bà. Nếu Nhà nước sử dụng thì bà đồng ý giao cho Nhà nước. Còn phần diện tích chuyển nhượng cho bà T thì bà và ông H đã giao đủ phần diện tích như đã nêu trên vào năm 2005. Bà và ông H chỉ sử dụng phần diện tích còn lại của ông bà. Vì theo giấy

chứng nhận QSDĐ hiện nay đã được cấp cho bà T là 1.314,5m<sup>2</sup>. Như vậy, so với diện tích bán cho bà T vào năm 2005 là dư 86,5m<sup>2</sup> nên phần đất dư này là của bà. Nên bà và ông H không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Do bà T kiện bà và ông H nên nay bà yêu cầu bà T bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 5.280.000 đồng và tổn thất tinh thần là 54.720.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm theo quy định pháp luật do bà T và ông P xúc phạm bà. Đến ngày 07-6-2021 bà T có đơn xin rút yêu cầu chỉ yêu cầu buộc bà T phải chuyển QSDĐ cho vợ chồng bà phần diện tích 68,8m<sup>2</sup> hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

Còn đối với diện tích 1,4m<sup>2</sup> trong khuôn viên hàng rào lưới B40 thì thuộc phạm vi các mốc M3, M4, M5, M8, M3 bà không tranh chấp. Bà sẽ thỏa thuận với bà H sau, không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Theo sơ đồ đo đạc thể hiện phần diện tích giáp ranh đất của thửa 42 (Do bà T và bà T chỉ ranh khi đo đạc) thì lấn qua phần diện tích thuộc thửa 41 (đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Thanh H) với diện tích 26,9m<sup>2</sup> và diện tích 1,4m<sup>2</sup> trong khuôn viên hàng rào lưới B40 thuộc phạm vi các mốc M3, M4, M10, M5, M8, M3. Bà không tranh chấp, bà và bà T sẽ thỏa thuận sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thống nhất các nội dung đã cung cấp cho Tòa án, không ý kiến gì thêm.

+ Đoàn Kinh Tế Quốc Phòng 959 trình bày:

Thống nhất các nội dung đã cung cấp cho Tòa án, không ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lâm Văn H phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời bằng mọi hình thức đối với cây trồng, vật và công trình khác trên toàn bộ diện tích 242m<sup>2</sup>, bao gồm: diện tích 150,6m<sup>2</sup> hành lang an toàn giao thông đường bộ và các diện tích tranh chấp 22,6m<sup>2</sup>, 68,8m<sup>2</sup> (theo biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ vào ngày 13-7-2020 có sơ đồ đo đạc kèm theo) để giao trả lại diện tích  $91,4\text{m}^2$  ( $22,6\text{m}^2 + 68,8\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa 42 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp An Phát, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Nguyễn Minh T.

Hộ bà Nguyễn Minh T được quyền sử dụng tạm thời đúng mục đích sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần diện tích  $150,6\text{m}^2$  hành lang an toàn giao thông đường bộ.

\* Phần diện tích  $150,6\text{m}^2$  hành lang an toàn giao thông đường bộ, có vị trí cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ (hiện Nguyễn Thị Thanh H đang sử dụng) dài 9,08 mét, từ M2 đến M3.

+ Hướng Tây giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ (hiện bà Nguyễn Thị Hồng Thanh đang sử dụng) dài 8,94 mét, từ M7 đến M1.

+ Hướng Nam giáp đất tranh chấp dài 16,73 mét, từ M3 đến M8 và M7.

+ Hướng Bắc giáp tỉnh lộ ĐT 843 dài 16,73 mét, từ M1 đến M2.

\* Phần diện tích  $22,6\text{m}^2$  đang tranh chấp, có vị trí cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp đất thuộc một phần thửa 41 (Thửa 41 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Thanh H) dài 2,02 mét, từ M8 đến M5.

+ Hướng Tây giáp đất thuộc thửa 81 (hiện bà Nguyễn Thị Hồng Thanh đang sử dụng) dài 0,81 mét, từ M6 đến M7.

+ Hướng Nam giáp đất thửa 42 (hiện bà Nguyễn Minh T đang sử dụng, không tranh chấp) dài 16,03 mét, từ M5 đến M6.

+ Hướng Bắc giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ dài 16,03 mét, từ M7 đến M8.

\* Phần diện tích  $68,8\text{m}^2$  đang tranh chấp, có vị trí cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp đất thuộc thửa 41 (hiện Nguyễn Thị Thanh H đang sử dụng) dài 4,25 mét, từ M10 đến M11.

+ Hướng Tây giáp đất thuộc thửa 81 (hiện bà Nguyễn Thị Hồng Thanh đang sử dụng) dài 4,36 mét, từ M12 đến M13.

+ Hướng Nam giáp nương nước Lô 4 dài 16 mét, từ M11 đến M12.

+ Hướng Bắc giáp đất thuộc thửa 42 (hiện bà Nguyễn Minh T đang sử dụng, không tranh chấp) dài 16 mét, từ M13 đến M10.

[2] - Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà T phải bồi thường chi phí đi lại 5.280.000đồng và tổn thất tinh thần 54.720.000đồng, tổng cộng 60.000.000đồng và bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Minh T chuyển quyền sử dụng đất diện tích 68,8m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2021 ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Ông bà không đồng ý giao lại cho bà Nguyễn Minh T 242m<sup>2</sup> đất gồm 150,6m<sup>2</sup> đất phạm vi lộ giới và 91,4m<sup>2</sup>

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Căn cứ vào “Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư” ngày 04/5/2005 giữa bà Nguyễn Minh T với vợ chồng ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T có ghi phần đất chuyển nhượng:

“- Chiều rộng: 16m (mười sáu mét)

- Chiều dài: 76,75m (Bảy mươi sáu mét bảy mươi lăm)

\* Tổng diện tích là:  $1.228m^2$  (một ngàn hai trăm hai mươi tám mét vuông). Trong đó: có  $500m^2$  mục đích sử dụng là ao;  $728m^2$  mục đích sử dụng là vườn. Tư cận của mảnh đất như sau:

- Phía Bắc giáp lộ 843.

- Phía Nam giáp đường nước cái.

- Phía Đông giáp đất ông Phạm Ngọc Trọng (thuộc thửa 41 hiện nay của bà H).

- Phía Tây giáp đất ông Phạm Ngọc Trọng (thuộc thửa 81 hiện nay của bà Thanh).

Giá chuyển nhượng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) một mét ngang (chiều rộng). Tổng số tiền chuyển nhượng  $16m \times 4.500.000đ = 72.000.000$  đồng (Bảy mươi hai triệu đồng”).

Cho thấy, vị trí đất ông H, bà T chuyển nhượng cho bà T là hết thửa, chiều dài của đất là từ giáp lộ 843 đến đường nước cái, không có thỏa thuận chừa lại đất và giá tiền chuyển nhượng tính theo chiều ngang.

[2] Ông H, bà T cho rằng diện tích ông bà chuyển nhượng là  $1.228m^2$ , theo đo đạc thực tế là  $1.314,5m^2$ , thửa  $86,5m^2$  là của ông bà. Tuy nhiên, khi thỏa thuận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tỉnh lộ 843 chưa hoàn chỉnh nên khi đo đạc trừ hành lang an toàn giao thông đường bộ cũng như việc đo đạc thủ công nên không chính xác. Mặt khác, Căn cứ vào Công văn số: 61/UBND-NC ngày 24-3-2021 của UBND huyện T cung cấp thông tin như sau:

“1. Khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ “H” 00114 cấp ngày 31-8-2005 thuộc thửa 60, diện tích  $1.228m^2$ , tọa lạc tại ấp An Phát, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Nguyễn Minh T là đảm bảo trình tự, thủ

tục theo quy định. Có đo đạc thực tế khi cấp giấy. Vị trí thửa đất khi cấp, hướng Bắc giáp với tỉnh Lộ 843 và hướng Nam giáp với Mương nước lô 4. Cấp cho hộ bà Nguyễn Minh T. Lúc cấp cho hộ bà Nguyễn Minh T trong hộ gồm những ai không nắm được, vì pháp Luật Đất đai không quy định.

2. Năm 2013, cấp đổi lại Giấy chứng nhận theo hồ sơ địa chính chính quy T ứng thửa 42, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.314,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp An Phát, xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho bà Nguyễn Minh T tăng 86,5m<sup>2</sup> là do đo đạc lại chính xác hơn”.

Vì vậy, 86,5m<sup>2</sup> đất thừa nêu trên vẫn thuộc quyền sử dụng của bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông H, bà T trả lại 22,6m<sup>2</sup> đất trong phạm vi các mốc M8, M5, M6, M7, M8 và 68,8m<sup>2</sup> đất trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13, M10 thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 20 là có căn cứ.

[3] Đối với 150,6m<sup>2</sup> đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M8, M7, M1 các đương sự đều thừa nhận thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ do Nhà nước quản lý, khi thỏa thuận chuyển nhượng đã chữa ra. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông H, bà T di dời tài sản trên phần đất này và tuyên cho hộ bà T được sử dụng tạm thời là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, vi phạm này là không nghiêm trọng nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về phần này mà chỉ sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà T là được, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần như đã nhận định ở trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai, Điều 164, Điều 166, Điều 500 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số



326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Minh T.

4. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn H phải di dời toàn bộ cây trồng và tài sản khác (Nếu có) để trả lại cho bà Nguyễn Minh T 22,6m<sup>2</sup> đất trong phạm vi các mốc M7, M8, M5, M6, M7 và 68,8m<sup>2</sup> đất trong phạm vi các mốc M13, M10, M11, M12, M13 thuộc một phần thửa 42, tờ bản đồ số 20, tại xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn H di dời toàn bộ cây trồng và tài sản khác (Nếu có) ra khỏi 150,6m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M8, M7, M1.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 13/7/2020 của Tòa án và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh T cùng bị đơn ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T ngày 26/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T).

6. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà T phải bồi thường chi phí đi lại 5.280.000 đồng và tổn thất tinh thần 54.720.000 đồng, tổng cộng 60.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm theo quy định pháp luật.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T về việc yêu cầu bà Nguyễn Minh T chuyển quyền sử dụng đất diện tích 68,8m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M13, M10, M11, M12, M13 thuộc một phần thửa 42, tờ bản đồ số 20, tại xã An Phước, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn H liên đới chịu 3.343.000 đồng. Do bà Nguyễn Minh T đã tạm ứng trước nên bà T và ông H phải liên đới trả lại cho bà T 3.343.000 đồng.

**9. Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị T, ông Lâm Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (Do thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Bà Nguyễn Minh T được nhận lại 1.030.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai số 0008483 ngày 25/02/2020, số 0009152 ngày 24/02/2021 và số 0009399 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi Nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ Danh Đạt**